

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH QUẢNG TRỊ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2016/DSPT

Ngày: 22/6/2016

*"V/v yêu cầu tuyên bố di chúc  
không hợp pháp"*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ**

**Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

**Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thu Hà;

**Các Thẩm phán:** Bà Nguyễn Thị Oanh;

Ông Nguyễn Cường.

**Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:** Bà Hoàng Lê Phương Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị.

**Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị tham gia phiên tòa:**  
Ông Trần Đình Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 06 năm 2016, tại Hội trường Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 09/2016/TLPT-DS ngày 04 tháng 5 năm 2016 về việc "tranh chấp yêu cầu tuyên bố di chúc không hợp pháp".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 01/2016/DSST ngày 29/01/2016 của Tòa án nhân dân thành phố Đ bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 11/2016/QĐPT ngày 19/05/2016 giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Ông Lê Quang B; địa chỉ: Khu phố T, phường Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị, có mặt.

**2. Bị đơn:** Ông Lê Quang T; địa chỉ: Khu phố T, phường Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị, có mặt.

**Người đại diện hợp pháp của bị đơn:** Bà Trần Thị L L - cán bộ nghiệp vụ Công ty Luật V là người đại diện theo ủy quyền (giấy ủy quyền ngày 06/04/2016 của ông Lê Quang T), có mặt.

**3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:**

- UBND phường Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị

**Người đại diện hợp pháp:** Ông Võ Văn T – Cán bộ tư pháp phường Đ là người đại diện theo ủy quyền (giấy ủy quyền số 14/QĐ-UBND ngày 28/01/2016 của Chủ tịch UBND phường Đ), có mặt.

- Bà Lê Thị H; địa chỉ: Khu phố T, phường Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị, có mặt.

- Bà Lê Thị T; địa chỉ: Khu phố T, phường Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị, có mặt.

- Bà Lê Thị S; địa chỉ: Khu phố C, phường Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị, có mặt.

- Bà Trần Thị L; địa chỉ: Khu phố T, phường Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị, có mặt.

### **NHẬN THẤY:**

**Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Lê Quang B trình bày:**

Ngày 21/10/2010, bà Trần Thị B (mẹ của ông B) cùng ông Lê Quang T (em của ông B) đến UBND phường Đ lập bản di chúc. Tại thời điểm lập di chúc bà Trần Thị B 87 tuổi, đã già yếu, không còn minh mẫn và không biết chữ. Bà B lập di chúc để toàn bộ diện tích 1.048m<sup>2</sup> đất của bố, mẹ cho vợ chồng ông Lê Quang T, bà Trần Thị L. Đến tháng 8/2014, ông B và một số chị em ruột thấy ông T tự ý chuyển nhượng đất cho người khác thì mới biết có bản di chúc. Ông Lê Quang B yêu cầu Tòa án tuyên bố bản di chúc do bà Trần Thị B lập ngày 21/10/2010 là không hợp pháp.

**Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Lê Quang T trình bày:** Theo nguyện vọng của bà Trần Thị B thì sau khi bà B mất sẽ để lại toàn bộ ngôi nhà cấp 4 và diện tích đất 1.048m<sup>2</sup> cho vợ chồng ông T, bà L. Bà B là người không biết chữ nên ngày 21/10/2010 ông B đã lấy một tờ giấy vở học sinh và tự viết di chúc theo nguyện vọng của bà B. Viết xong ông B và ông T cùng chở bà B đến UBND phường Đ để chứng thực. Khi đến trụ sở UBND phường Đ thì gặp ông Võ Văn T là cán bộ tư pháp phường. Sau khi kiểm tra các giấy tờ tùy thân và hồ sơ liên quan ông T gợi ý đi đánh máy cho rõ ràng nên ông B, ông T cùng đi đánh máy và cùng đưa bà B đến lại UBND phường Đ. Tại UBND phường Đ ông T đã làm các thủ tục và đọc lại bản di chúc cho bà B nghe và bà B điểm chỉ vào di chúc. Sau khi chứng thực xong, UBND phường giữ lại một bản, còn 02 bản giao cho chúng tôi mang về.

Ngày 04/3/2012 bà Trần Thị B mất. Ngày 09/10/2013, ông T có làm bản chính về họ tên để xin xác nhận nguồn gốc lô đất của bà B để lại, tờ đơn này có nêu nội dung di chúc của bà B và có xác nhận của ông B. Do đó, ông T cho rằng di chúc của bà B là hoàn toàn tự nguyện, đúng pháp luật, ông B vu oan, giả dối, không đúng sự thật. Ông T không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông B.

**Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan UBND phường Đ trình bày:**

Ngày 21/10/2010, UBND phường Đ tiếp nhận hồ sơ yêu cầu chứng thực di chúc của bà Trần Thị B, khi đến trụ sở UBND phường thì có ông Lê Quang B và ông Lê Quang T. Quá trình thực hiện việc chứng thực, UBND phường Đ đã thực hiện đầy đủ trình tự, thủ tục và công khai các bước kiểm tra điều kiện, năng lực

hành vi và tính tự nguyện của bà Trần Thị B. Do bà B không biết chữ và không đọc được cho nên đã đọc lại bản di chúc cho bà B nghe, bà B hiểu rõ toàn bộ nội dung di chúc và tự nguyện điền chỉ vào bản di chúc trước sự chứng kiến của ông B và ông T. Việc UBND phường Đ chứng thực bản di chúc của bà Trần Thị B là hoàn toàn đúng theo quy định của Bộ luật Dân sự 2005 và nghị định 75/2000/NĐ-CP của chính phủ ngày 08/12/2000 về công chứng, chứng thực.

**Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, bà Lê Thị H và bà Lê Thị S trình bày:**

Tại thời điểm lập di chúc, bà Trần Thị B không còn minh mẫn, không biết chữ, thậm chí bà B không còn nhận ra con gái mình thì làm sao nhận thức được mà lập di chúc. Bà H, bà S đề nghị Tòa án tuyên bố bản di chúc của bà Trần Thị B là không hợp pháp.

**Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, bà Lê Thị T trình bày:**

Tại thời điểm lập di chúc bà Trần Thị B vẫn còn minh mẫn, việc lập di chúc là đúng. Đề nghị Tòa án công nhận bản di chúc là hợp pháp.

**Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, bà Trần Thị L trình bày:**

Việc lập di chúc của bà B (mẹ chồng) do ông B đề nghị, Sau khi đi chứng thực bản di chúc xong, ông B về nhà bà L uống rượu. Bà L cho rằng bản di chúc đó là nguyện vọng của bà Trần Thị B và đúng quy định của pháp luật.

**Tại bản án dân sự sơ thẩm số 01/2016/DSST ngày 29/01/2016 của Tòa án nhân dân thành phố Đ quyết định:**

Áp dụng Điều 649, khoản 4 Điều 650; khoản 2 Điều 658 Bộ luật dân sự; khoản 1 Điều 131 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 27 pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án, xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Quang B;

Tuyên bố bản di chúc của bà Trần Thị B lập ngày 21/10/2010 tại UBND phường Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị là không hợp pháp.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

**Ngày 02 tháng 02 năm 2016 bị đơn ông Lê Quang T kháng cáo và ngày 05/2/1016 ông T kháng cáo bổ sung với nội dung:**

- Phân xét thấy bản án sơ thẩm lập luận ngày 23/01/2004 hộ gia đình bà Trần Thị B được UBND thị xã Đ H cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Y 540637 với diện tích 1.084m<sup>2</sup> tại khu phố T, phường Đ trên cơ sở các đời trước để lại, đã làm nhà ở từ trước năm 1975. Tòa án cấp sơ thẩm lập luận như vậy là không có căn cứ vì diện tích đất trên bà B đứng tên, ông T là người kê khai. Theo Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/05/2014 quy định thì ông T có đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy bỏ phần nhận định này của Tòa án cấp sơ thẩm.

- Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông B, tuyên bố bản di chúc của bà B lập ngày 21/10/2010 về việc cho ông Lê Quang T, bà Trần Thị L được hưởng quyền sử dụng đất và tài sản trên đất.

### **XÉT THẤY:**

**Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:**

#### **Xét kháng cáo của ông Lê Quang T, thấy rằng:**

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của ông Lê Quang T bổ sung nội dung kháng cáo cho rằng thời hiệu khởi kiện của ông B đã hết và Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý giải quyết vụ án dân sự là không đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết vụ án. Hội đồng xét xử thấy:

Về thời hiệu Khởi kiện: Bà B lập di chúc ngày 22/10/2010. Ngày 28/08/2014, ông B, bà S, bà H có đơn khiếu nại gửi UBND phường Đ giải quyết việc ông T bán diện tích đất do bố mẹ để lại. Ngày 15/12/2014, UBND phường Đ có giấy mời ông B, ông T, bà H, bà S để giải quyết khiếu nại. Căn cứ điểm b khoản 3 Điều 159 BLTTDS quy định thì đơn khởi kiện của ông Lê Quang B ngày 12/01/2015 trong thời hiệu khởi kiện.

Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Căn cứ khoản 12 Điều 25 BLTTDS quy định thì Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp yêu cầu tuyên bố di chúc không hợp pháp là đúng pháp luật.

Xét về nội dung di chúc của bà Trần Thị B lập ngày 21/10/2010, Hội đồng xét xử thấy: Bà Trần Thị B, sinh 1923 và có chồng là ông Lê Quang S. Ông S, bà B có 06 người con là ông Lê Quang B, bà Lê Thị T, bà Lê Thị H ông Lê Quang T, bà Lê Thị S và 01 người con là Liệt sỹ. Năm 1979 ông S mất không để lại di chúc. Bà Trần Thị B chết ngày 03/04/2012. Ngày 23/02/2004, UBND thành phố Đ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Y 540637 cho hộ bà Trần Thị B với diện tích đất 1.084m<sup>2</sup> tại khu phố T, phường Đ, thành phố Đ. Tại văn bản số 12/CV-CAP ngày 20/06/2016 của Công an phường Đ xác nhận tại thời điểm UBND thành phố Đ giao quyền sử dụng đất cho hộ bà Trần Thị B ngày 23/02/2004 thì hộ bà Trần Thị B gồm: Bà Trần Thị B, sinh 1923 (mẹ); bà Lê Thị H, sinh 1954 (con); ông Lê Quang T, sinh 1969 (con); cháu Lê Quang L, sinh 1989 (con ông T); cháu Lê Thị T, sinh 1992 (con ông T); cháu Lê Thị T, sinh 1994 (con ông T); bà Trần Thị L, sinh 1954 (vợ ông T). Ngày 24/05/2016, Công an phường Đ xác nhận bà Lê Thị H sinh sống tại hộ bà Trần Thị B đến 01/11/2010. Theo Điều 108, Điều 733, Điều 734, Điều 735 BLDS; điểm đ khoản 1 Điều 179 Luật đất đai quy định thì Hộ gia đình bà Trần Thị B gồm bà B, bà H, ông T, cháu L, cháu T, cháu T, bà L là những người có mối quan hệ hôn nhân, huyết thống đều có quyền sử dụng diện tích 1.084m<sup>2</sup> tại khu phố T, phường Đ, thành phố Đ theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Y 540637 do UBND Thành phố Đ cấp ngày 23/02/2004. Việc bà Trần Thị B lập di chúc ngày 23/02/2004 cho ông Lê Quang T, bà Trần Thị L diện tích

1.084m<sup>2</sup> là không đúng pháp luật. Vì vậy, bản di chúc của bà Trần Thị B lập ngày 21/10/2010 không có hiệu lực phần nội dung.

**Về hình thức của bản di chúc của bà Trần Thị B lập ngày 21/10/2010, Hội đồng xét xử thấy:** Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn ông B, bị đơn ông T, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà H, bà T, bà S và Ban cán sự khu phố T, Chi ủy Chi bộ khu phố T, Hội người cao tuổi khu phố T, trưởng phái Lê Q đều thừa nhận tại thời điểm lập di chúc, bà Trần Thị B 87 tuổi và bà B không biết chữ, không đọc được. Căn cứ Theo khoản 2 Điều 658 BLDS quy định thì việc bà B là người không biết chữ, không biết đọc và không ký được thì phải nhờ người làm chứng và người này phải ký xác nhận trước mặt người có thẩm quyền chứng thực của UBND phường Đ. Người có thẩm quyền chứng thực của UBND phường Đ chứng nhận bản di chúc trước mặt người lập di chúc và người làm chứng. Theo quy định Điều 654 BLDS quy định người thừa kế theo di chúc của người lập di chúc không được làm chứng cho việc lập di chúc. Bản di chúc của bà Trần Thị B lập ngày 21/10/2010 không có người làm chứng là trái với quy định của pháp luật.

Như vậy, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận đơn khởi kiện của ông Lê Quang B và tuyên bố bản di chúc của bà Trần Thị B lập ngày 21/10/2010, được chứng thực ngày 22/10/2010 tại UBND phường Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị không hợp pháp là có cơ sở.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị đề nghị: Bản di chúc của bà Trần Thị B lập ngày 21/10/2010 không hợp pháp về nội dung và hình thức nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông Lê Quang T và giữ nguyên án sơ thẩm.

Hội đồng xét xử thống nhất quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị, không chấp nhận kháng cáo của ông Lê Quang T và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Vê án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 27 Pháp lệnh án phí lệ phí Tòa án; khoản 1 Điều 132 BLTTDS: Ông Lê Quang T phải chịu 200.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm và 200.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 200.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai thu tiền số AA/2014/0008006 ngày 29/02/2016 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đ. Ông T còn phải nộp số tiền 200.000 đồng.

Hoàn trả lại cho ông Lê Quang B số tiền tạm ứng án phí đã nộp 200.000 đồng theo biên lai thu tiền số AA/2014/0007548 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đ.

Vì các lẽ trên.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 275 của BLTTDS;

### **QUYẾT ĐỊNH**

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Lê Quang T và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Áp dụng điểm b khoản 3 Điều 159, khoản 12 Điều 25, khoản 1 Điều 132 BLTTDS; Điều 108, Điều 649, khoản 4 Điều 650, khoản 2 Điều 658, Điều 654, Điều 733, Điều 734, Điều 735 BLDS; điểm đ khoản 1 Điều 179 Luật đất đai; khoản 2 Điều 27 pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án, xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Quang B;

Tuyên bố bản di chúc của bà Trần Thị B lập ngày 21/10/2010 tại UBND phường Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị là không hợp pháp.

Về án phí: Ông Lê Quang T phải chịu 200.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm và 200.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 200.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm theo Biên lai thu tiền số AA/2014/0008006 ngày 29/02/2016 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đ. Ông T còn phải nộp số tiền 200.000 đồng.

Hoàn trả lại cho ông Lê Quang B số tiền tạm ứng án phí đã nộp 200.000 đồng theo biên lai thu tiền số AA/2014/0007548 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đ.

Những phần của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận:***

- TAND Đ.H;
- Chi cục THADS Đ.H;
- VKSND tỉnh Q.Tri;
- Các đương sự;
- Phòng GĐKT;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu VPTòa

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Thu Hà**